

Số: /BC-SNN

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025

Thực hiện Công văn số 2994/UBND-NNPTNT ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc triển khai Quyết định 236/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 109/HĐND-VP ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn bản 3672/UBND-NNTNMT ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Sở Nông nghiệp và PTNT đã dự thảo Hồ sơ xây dựng quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 và đề nghị Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số ngày 22/6/2022.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 158/BCTĐ - STP ngày 29/6/2022; Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, cụ thể như sau:

(Có bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình kèm theo)

Trên đây là báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- GD, các PGD;
- Văn phòng Điều phối NTM;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Kim Oanh

BẢNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN ngày tháng 6 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn)

TT	Nội dung ý kiến thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	<p>Đề nghị cân nhắc bổ sung nguyên tắc: “<u>Các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo: Kinh phí của Chương trình chỉ hỗ trợ những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, CTMTQG giảm nghèo bền vững. Các xã còn lại: mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể theo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định</u>” <u>đối với mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn</u> để đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình này với CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định tại dấu cộng thứ hai, gạch đầu dòng thứ hai tiết b tiêu mục 1 mục V CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg.</p>	<p><u>Giải trình:</u> Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, lý do: Đối với vốn đầu tư, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững khi được phê duyệt đã phân định rõ địa bàn đầu tư, cụ thể: Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kinh phí sẽ hỗ trợ tại 65 xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) và 3 xã khu vực I, II nhưng là xã ATK (gồm: xã Côn Minh, huyện Na Rỳ; xã Bằng Lãng, Lương Bằng huyện Chợ Đồn); Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững hỗ trợ tại các huyện nghèo là huyện Ngân Sơn và huyện Pác Nặm; đối với nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời trên cơ sở thông báo vốn của các Chương trình MTQG các địa phương lập kế hoạch, danh mục các dự án đã xác định rõ các xã thuộc địa bàn của từng chương trình, do vậy sẽ không có sự trùng lặp, chồng chéo trong quá trình thực hiện.</p>
2	<p>Dự thảo quy định tỉ lệ phần trăm cụ thể hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và tỉ lệ phần trăm tối đa vận động, huy động nguồn lực</p>	

<p>khác. Nội dung này cần cân nhắc tính hợp lý bởi các lý do sau:</p>	
<p>- Tương ứng với tỉ lệ phần trăm cụ thể hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải là tỉ lệ phần trăm cụ thể vận động, huy động từ các nguồn lực khác. Tương ứng với tỉ lệ phần trăm tối đa huy động, vận động từ các nguồn lực khác phải là tỉ lệ phần trăm tối thiểu hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p>	<p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa: Tại cột tổng số tỷ lệ phần trăm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước sửa thành “Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)”</p>
<p>- Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tại dự thảo Nghị quyết là mức cụ thể, mức vận động, huy động nguồn lực khác là tối đa trong khi đó theo thuyết minh của cơ quan soạn thảo, một số nội dung tại dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND) (trong khi đó, tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND quy định mức tối đa hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, mức tối thiểu vốn huy động khác); một số nội dung được xây dựng trên cơ sở văn bản QPPL khác nhưng các văn bản này quy định mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước (như mức hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tiểu mục 4, mục II Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND; hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn tại khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP).</p> <p>- Tỉ lệ phần trăm ngân sách trung ương hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết là mức tối đa, tỉ lệ phần trăm ngân sách địa phương hỗ trợ là mức tối thiểu, trong khi tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cụ thể; như vậy, khi ngân sách trung ương hỗ trợ thấp hơn mức</p>	<p>- Trong giai đoạn 2016-2020, theo Quyết định 12/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm b khoản 2, điều 6 quy định ban hành theo Quyết định số 12/QĐ-TTg đã quy định “<i>Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 70% trở lên: Tùy thuộc vào điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, ưu tiên bố trí thêm vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>” do vậy giai đoạn 2016-2020 khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND) không quy định tỷ lệ đối ứng của Ngân sách địa phương và quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là mức tối đa. Tuy nhiên tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, tại điểm a, khoản 2 điều 8 quy định: <i>Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 80 % trở lên, hằng năm ngân sách địa phương</i></p>

	<p>tối đa tại dự thảo Nghị quyết thì ngân sách địa phương sẽ phải bố trí mức cao hơn để đảm bảo tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã quy định. Do vậy, đơn vị soạn thảo cần thuyết minh làm rõ khả năng của ngân sách địa phương trong việc đảm bảo nguồn lực thực hiện nội dung này.</p>	<p><i>đổi ứng tối thiểu bằng 5 % tổng vốn ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình”</i> do vậy đối với tỉnh Bắc Kạn hằng năm sẽ đối ứng ngân sách địa phương là 5% tổng kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ; trong dự thảo Nghị quyết có nội dung vốn đối ứng của ngân sách địa phương ở mức tối thiểu là 5% vốn ngân sách trung ương. Đối với nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương là mức tối thiểu nên khi ngân sách địa phương bố trí đối ứng tăng hơn 5 % so với ngân sách trung ương thì nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước sẽ tăng lên, do vậy đã chỉnh sửa và ghi mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước là mức tối thiểu.</p> <p>- Nguồn vốn từ ngân sách trung ương đã được giao dự toán tại Quyết định số 652/QĐ-TTg và Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng chính phủ cho hai đoạn 2021-2025 do vậy ngân sách trung ương đã đảm bảo cho thực hiện Chương trình cả giai đoạn 2021-2025</p>
3	<p>Theo quy định gạch đầu dòng thứ nhất tiết 3.4 điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí thuê, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị (<i>giá kê trung bày sản phẩm, bảng hiệu tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng...</i>) <u>tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi, tối đa 50 triệu đồng/cửa hàng.</u></p> <p>Cơ sở xây dựng nội dung này được thuyết minh là theo tiêu mục 9, mục II, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND, nội dung này được hỗ trợ đối với các Trung tâm điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP trong tỉnh, tối đa 200 triệu đồng/điểm. Do đó, đề nghị cân nhắc lại nội dung trên của dự thảo Nghị quyết.</p>	<p><u>Tiếp thu, chỉnh sửa nội dung như sau:</u></p> <p>- Hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh: Thuê, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị (giá kê trung bày sản phẩm, bảng hiệu tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng...) tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi (viết tắt là cửa hàng) tối đa 50 triệu đồng/cửa hàng, hỗ trợ tối đa mỗi xã một cửa hàng đối với cửa hàng đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc hướng dẫn và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; chủ đầu tư cam kết thực hiện bằng văn bản hoạt động tối thiểu 3 năm.</p> <p>- Cơ sở xây dựng theo tiêu mục 9, mục II, Phụ lục ban hành</p>

		<p>kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh là căn cứ thuyết minh nội dung đề được hỗ trợ cho các chủ đầu tư; đồng thời theo Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND tỉnh hỗ trợ các Trung tâm với mức tối đa 200 triệu đồng/điểm; 2 điểm/huyện, thành phố là hỗ trợ các Trung tâm có tính đại diện quy mô lớn cấp huyện, thành phố để giới thiệu các sản phẩm OCOP của địa phương; còn trong dự thảo Nghị quyết sẽ tập trung hỗ trợ các cửa hàng, điểm quy mô cấp xã, khi được hỗ trợ sẽ góp phần quảng bá giới thiệu sản phẩm nông sản, OCOP trên địa bàn toàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện các đơn vị chủ trì sẽ rà soát để tổ chức thực hiện hỗ trợ đảm bảo hiệu quả và không chồng chéo, lãng phí.</p>
4	<p>Tiết 4.2 điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ công nhận các làng nghề là tối đa không quá 30 triệu đồng/làng nghề, trong đó, ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 95,2%, ngân sách địa phương tối thiểu 4,8%. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, nội dung này được hỗ trợ từ ngân sách địa phương. Vì vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại nội dung này để đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><u>Tiếp thu và điều chỉnh:</u> Căn cứ hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại điểm a, Khoản 2 điều 12, Thông tư /2022/TT-BNNPTNT ngày.. tháng..năm 2022, đơn vị soạn thảo chỉnh sửa nội dung: “Công nhận các làng nghề: Tối đa không quá 30 triệu đồng/làng nghề” thành “Hỗ trợ xét công nhận làng nghề bao gồm thẩm định hồ sơ và kiểm tra cơ sở: Tối đa không quá 15 triệu đồng/lần xét”</p>
5	<p>Tại tiết 5 điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất, trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị (bao gồm: Hỗ trợ nâng cao năng lực đối với các thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể; hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể) là 100%, trong đó, ngân sách trung ương tối đa 95,2%, ngân sách địa</p>	<p><u>Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung thành:</u> - Hỗ trợ nâng cao năng lực đối với các thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể (thành viên, người lao động kinh tế tập thể): + Hỗ trợ kinh phí đào tạo đối với thành viên, người lao động của các tổ chức kinh tế tập thể: 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở Đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên bằng 1,5 % mức lương tối thiểu vùng</p>

	<p>phương tối thiểu là 4,8%... Đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ sự phù hợp của quy định tại tiết 5 điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết với nội dung trên của Quyết định số 1804/QĐ-TTg</p>	<p>+ Hỗ trợ bồi dưỡng đối với thành viên, người lao động của các tổ chức kinh tế tập thể: 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; hỗ trợ 100% chi phí ăn ở đối với các tổ chức kinh tế tập thể nằm trong vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm: các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); đối với các vùng khác: Hỗ trợ 90% đối với các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 80% đối với các tổ chức kinh tế tập thể khác.</p> <p>- Hỗ trợ đưa lao động trở về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/người/tháng; tối đa 03 năm/người, tối đa 01 người/tổ chức kinh tế tập thể</p> <p>Áp dụng tại điểm d, tiểu mục 2, mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ/TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ/TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ (áp dụng nội dung hỗ trợ và định mức cụ thể để sử dụng nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ hoạt động nâng cao hiệu quả của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị).</p>
6	<p>Tại tiết 6 điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định về</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa : Bỏ cụm từ “phường, thị trấn”</p>

	<p>chi thù lao cộng tác viên xã, phường, thị trấn tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và các hoạt động y tế khác. Tuy nhiên, phường, thị trấn không thuộc phạm vi thực hiện CTMTQG xây dựng NTM theo tiêu mục 1 mục II CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại nội dung này.</p>	
7	<p>Ngoài các nội dung hỗ trợ như tại dự thảo Nghị quyết, theo điểm b tiêu mục 1 mục V CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngân sách nhà nước còn hỗ trợ một phần đối với các nội dung khác như: Hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; cải tạo nghĩa trang, phát triển du lịch nông thôn; hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn... Đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ về việc triển khai thực hiện đối với các nội dung không được quy định tại dự thảo Nghị quyết.</p>	<p><u>Giải trình:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Hỗ trợ Hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã, trong quá trình soạn thảo tổ soạn thảo đã thảo luận và nhận thấy nguồn lực dành cho nội dung này rất lớn có nhiều nội dung như: xây dựng, sửa chữa nâng cấp công trình phòng chống thiên tai, công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu (đê, kè...), bố trí sắp xếp dân cư tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, do vậy trong qua trình thực hiện sẽ bổ sung cho phù hợp thực tế; nội dung hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn quy định chi tiết tại Điều 50, Thông tư số.../2022/TT-BTC ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài chính. - Nội dung hỗ trợ hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp: Căn cứ điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn các nội dung trên chưa phát triển, cần đầu tư nguồn lực lớn nên sẽ xem xét bổ sung khi đủ điều kiện thực hiện. - Các nội dung khác: Thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; cải tạo nghĩa trang, phát triển du lịch nông thôn chưa có hướng dẫn nội dung thực hiện của các Bộ, ngành trung ương, do vậy đơn vị soạn thảo sẽ xin điều chỉnh bổ sung Nghị quyết trong quá trình thực hiện khi cần thiết.

8	Đối với những nội dung, mức chi được xây dựng trên cơ sở dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ, báo cáo UBND tỉnh về nội dung này, đồng thời theo dõi, đảm bảo sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết với Thông tư được ban hành của Bộ Tài chính	Đã tiếp thu
9	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, đề nghị điều chỉnh từ “Căn cứ” trước Quyết định số 263/QĐ-TTg thành “Thực hiện”.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
10	Tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết: Để đảm bảo chính xác, đề nghị điều chỉnh nội dung: “Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND...” thành “Bãi bỏ Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND...”.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa